

Họ, tên thí sinh:

Mã đề thi 304

Số báo danh:

Câu 41. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17 và trang 4 - 5, cho biết Khu kinh tế ven biển Vũng Áng thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Hà Tĩnh. B. Quảng Bình. C. Thanh Hóa. D. Nghệ An.

Câu 42. Biểu hiện của việc chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nước ta là

- A. các vùng sản xuất chuyên canh được mở rộng.
B. phát triển nhiều khu công nghiệp tập trung.
C. các vùng kinh tế trọng điểm được hình thành.
D. tăng tỉ trọng của công nghiệp và xây dựng.

Câu 43. Do nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đới ở bán cầu Bắc, nên lãnh thổ nước ta có

- A. hoạt động của gió mùa. B. tổng lượng mưa lớn.
C. nền nhiệt độ cao. D. ảnh hưởng của biển.

Câu 44. Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với địa hình Việt Nam?

- A. Địa hình vùng nhiệt đới ẩm gió mùa. B. Hầu hết là địa hình núi cao.
C. Có sự phân bậc rõ rệt theo độ cao. D. Đồi núi chiếm phần lớn diện tích.

Câu 45. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây **không** giáp với Lào?

- A. Nghệ An. B. Điện Biên. C. Kon Tum. D. Gia Lai.

Câu 46. Thành phố trực thuộc Trung ương ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. Tuy Hòa. B. Nha Trang. C. Đà Nẵng. D. Quy Nhơn.

Câu 47. Loại cây nào sau đây **không** phải là chuyên môn hóa sản xuất nông nghiệp ở Đông Nam Bộ?

- A. Điều. B. Cà phê. C. Chè. D. Cao su.

Câu 48. Vùng kinh tế trọng điểm ở nước ta **không** có đặc điểm nào sau đây?

- A. Hội tụ đầy đủ các thế mạnh kinh tế. B. Ranh giới có thể thay đổi theo thời gian.
C. Có sức hấp dẫn lớn các nhà đầu tư. D. Chiếm tỉ trọng nhỏ trong GDP cả nước.

Câu 49. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết Điện Biên Phủ thuộc vùng khí hậu nào sau đây?

- A. Trung và Nam Bắc Bộ. B. Tây Bắc Bộ.
C. Đông Bắc Bộ. D. Bắc Trung Bộ.

Câu 50. Vùng nào sau đây ở nước ta ít chịu ảnh hưởng của bão hơn cả?

- A. Duyên hải Nam Trung Bộ. B. Đồng bằng sông Hồng.
C. Đồng bằng sông Cửu Long. D. Bắc Trung Bộ.

Câu 51. Trong số các tuyến đường biển ven bờ của nước ta sau đây, tuyến đường nào là dài nhất?

- A. Hải Phòng - Đà Nẵng. B. Hải Phòng - TP. Hồ Chí Minh.
C. Quy Nhơn - Phan Thiết. D. Đà Nẵng - Quy Nhơn.

Câu 52. Công nghiệp chế biến chè của nước ta phân bố chủ yếu ở vùng nào sau đây?

- A. Đồng bằng sông Hồng. B. Bắc Trung Bộ.
C. Duyên hải Nam Trung Bộ. D. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Câu 53. Chất lượng lao động nước ta ngày càng được nâng lên chủ yếu là do nguyên nhân nào sau đây?

- A. Giáo dục, văn hóa và y tế phát triển. B. Nhiều dân tộc, lao động dồi dào.
C. Dân số đông, gia tăng còn nhanh. D. Các đô thị có nhiều lao động kĩ thuật.

Câu 54. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết trong các hệ thống sông sau đây, hệ thống sông nào có tỉ lệ diện tích lưu vực lớn nhất?

- A. Sông Cà. B. Sông Đồng Nai. C. Sông Mã. D. Sông Thái Bình.

Câu 55. Chuyên môn hóa sản xuất cây công nghiệp của Trung du và miền núi Bắc Bộ khác với Tây Nguyên là do sự khác nhau chủ yếu về

- A. điều kiện sinh thái nông nghiệp. B. điều kiện giao thông vận tải.
C. cơ sở vật chất kĩ thuật. D. truyền thống sản xuất.

Câu 56. Phát biểu nào sau đây **không** đúng về phân bố cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên?

- A. Cà phê được trồng nhiều nhất ở Đắk Lắk.
B. Hồ tiêu nhiều nhất ở Kon Tum, Lâm Đồng.
C. Chè có diện tích lớn nhất ở Lâm Đồng.
D. Cao su trồng chủ yếu ở Gia Lai, Đắk Lắk.

Câu 57. Độ che phủ rừng ở Tây Nguyên giảm sút nhanh trong những năm gần đây, chủ yếu là do

- A. đẩy mạnh khai thác gỗ quý. B. tăng cường khai thác dược liệu.
C. nạn phá rừng gia tăng. D. có nhiều vụ cháy rừng.

Câu 58. Cho bảng số liệu:

NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH THÁNG CỦA HÀ NỘI VÀ HUẾ

(Đơn vị: °C)

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Hà Nội	16,4	17,0	20,2	23,7	27,3	28,8	28,9	28,2	27,2	24,6	21,4	18,2
Huế	19,7	20,9	23,2	26,0	28,0	29,2	29,4	28,8	27,0	25,1	23,2	20,8

(Nguồn: Sách giáo khoa Địa lí 12 Nâng cao, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về nhiệt độ của Hà Nội và Huế?

- A. Cả hai địa điểm đều có nhiệt độ cao nhất vào tháng VII.
B. Nhiệt độ trung bình tháng VII ở Hà Nội thấp hơn Huế.
C. Nhiệt độ trung bình tháng I ở Huế cao hơn Hà Nội.
D. Biên độ nhiệt độ trung bình năm ở Hà Nội thấp hơn Huế.

Câu 59. Nền nông nghiệp hàng hóa ở nước ta có đặc trưng nào sau đây?

- A. Sử dụng nhiều sức người, công cụ thủ công.
B. Sản xuất nhỏ, năng suất lao động thấp.
C. Phần lớn sản phẩm để tiêu dùng tại chỗ.
D. Thị trường và lợi nhuận được quan tâm nhiều.

Câu 60. Nguyên nhân chính làm cho sinh vật biển nước ta ngày càng bị suy giảm là do

- A. đẩy mạnh đánh bắt xa bờ. B. khai thác quá mức.
C. thiên tai gia tăng. D. tăng cường xuất khẩu hải sản.

Câu 61. Phát biểu nào sau đây **không** đúng về việc làm ở nước ta hiện nay?

- A. Là một vấn đề kinh tế - xã hội lớn hiện nay.
B. Tỉ lệ thất nghiệp ở thành thị cao hơn nông thôn.
C. Tình trạng thất nghiệp, thiếu việc làm còn gay gắt.
D. Tỉ lệ thiếu việc làm ở nông thôn thấp hơn thành thị.

Câu 62. Mặc dù nước ta có 3/4 (ba phần tư) diện tích lãnh thổ là đồi núi, nhưng tính chất nhiệt đới vẫn được bảo toàn, nguyên nhân là do

- A. chịu tác động của Tín phong bán cầu Bắc. B. chịu tác động của gió mùa Tây Nam.
C. địa hình phân hóa đa dạng. D. địa hình chủ yếu là đồi núi thấp.

Câu 63. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô lớn?

- A. Vinh. B. Cần Thơ. C. Tây Ninh. D. Hà Nội.

Câu 64. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với công nghiệp điện lực của nước ta hiện nay?

- A. Nhiên liệu cho sản xuất điện ở miền Trung là khí tự nhiên.
 B. Sản lượng thủy điện và nhiệt điện chiếm tỉ trọng lớn nhất.
 C. Nước ta có nhiều tiềm năng để phát triển công nghiệp điện.
 D. Hàng loạt nhà máy điện có công suất lớn đang hoạt động.

Câu 65. Vai trò kinh tế chủ yếu của rừng sản xuất ở Bắc Trung Bộ là

- A. thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế. B. tạo nguồn hàng xuất khẩu chủ lực.
 C. cung cấp gỗ, củi, nguyên liệu giấy. D. đóng góp tỉ trọng rất lớn trong GDP.

Câu 66. Giải pháp cơ bản nhất để hạn chế hiện tượng cát bay, cát chày ở các tỉnh Bắc Trung Bộ là

- A. xây dựng hệ thống đê biển. B. bảo vệ rừng ngập mặn.
 C. trồng rừng phòng hộ. D. đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản.

Câu 67. Khí hậu của miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ

- A. phân chia thành hai mùa mưa, khô rõ rệt. B. có bốn mùa xuân, hạ, thu, đông khác nhau.
 C. phân chia ra một mùa nóng, một mùa lạnh. D. có mùa đông ít mưa và mùa hạ mưa nhiều.

Câu 68. Ở nhiều nơi của vùng biển phía Nam nước ta, hoạt động du lịch biển diễn ra được trong suốt cả năm, chủ yếu là do

- A. gió mùa thổi trong năm. B. địa hình ven biển đa dạng.
 C. nền nhiệt cao quanh năm. D. thời gian mùa khô dài.

Câu 69. Điều kiện tự nhiên thuận lợi nhất để phát triển hoạt động nuôi trồng thủy sản nước lợ ở nước ta là có nhiều

- A. bãi triều, đầm phá, rừng ngập mặn. B. vùng nước quanh đảo, quần đảo.
 C. ô trũng rộng lớn ở các đồng bằng. D. sông suối, kênh rạch, ao hồ.

Câu 70. Cho bảng số liệu:

**TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ
 CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2014**

(Đơn vị: tỉ đồng)

Năm	2010	2012	2013	2014
Kinh tế Nhà nước	633 187	702 017	735 442	765 247
Kinh tế ngoài Nhà nước	926 928	1 060 587	1 110 769	1 175 739
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	326 967	378 236	407 976	442 441

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về tổng sản phẩm trong nước phân theo thành phần kinh tế của nước ta, giai đoạn 2010 - 2014?

- A. Kinh tế Nhà nước nhỏ hơn Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.
 B. Kinh tế Nhà nước tăng nhanh hơn Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.
 C. Kinh tế ngoài Nhà nước tăng chậm hơn Kinh tế Nhà nước.
 D. Tổng sản phẩm trong nước giữa các thành phần kinh tế tăng không đều.

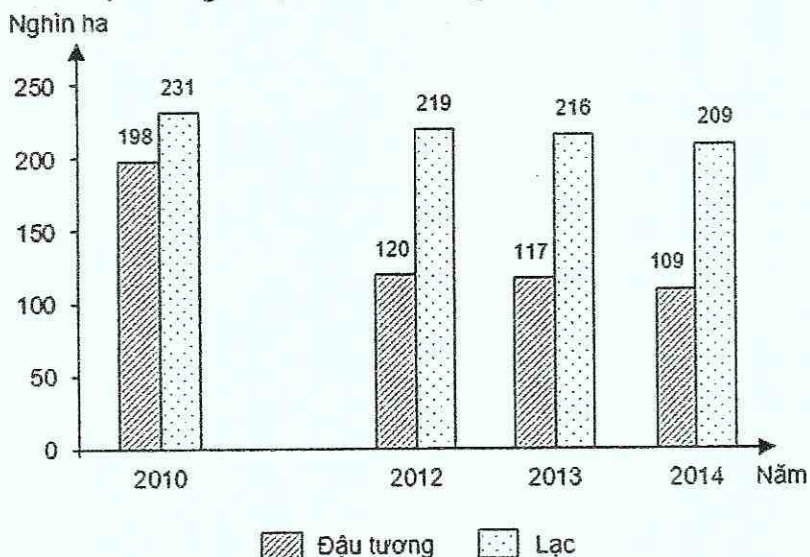
Câu 71. Phát biểu nào sau đây **không** đúng về kinh tế - xã hội của Đông Nam Bộ?

- A. Cơ cấu kinh tế ngành phát triển. B. Chính sách phát triển phù hợp.
 C. Giá trị công nghiệp cao nhất nước. D. Kinh tế hàng hóa phát triển muộn.

Câu 72. Việc xây dựng nhiều nhà máy thủy điện ở nước ta gây ra vấn đề chủ yếu nào sau đây về tài nguyên và môi trường?

- A. Hạ thấp mực nước ngầm.
- B. Thu hẹp diện tích rừng.
- C. Ô nhiễm nguồn nước.
- D. Ô nhiễm đất đai.

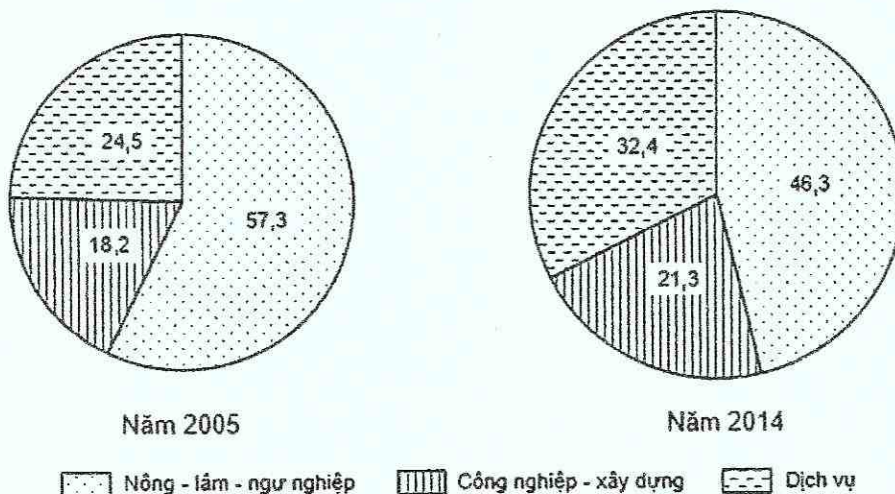
Câu 73. Cho biểu đồ về đậu tương và lạc của nước ta qua các năm:



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Giá trị sản xuất đậu tương và sản xuất lạc của nước ta qua các năm.
 - B. Tốc độ tăng diện tích gieo trồng đậu tương và lạc của nước ta qua các năm.
 - C. Quy mô diện tích gieo trồng đậu tương và lạc của nước ta qua các năm.
 - D. Cơ cấu diện tích gieo trồng đậu tương và lạc của nước ta qua các năm.
- Câu 74. Cho biểu đồ sau:



CƠ CẤU LAO ĐỘNG CÓ VIỆC LÀM PHÂN THEO KHU VỰC KINH TẾ, NĂM 2005 VÀ 2014 (%)

(Nguồn số liệu theo Sách giáo khoa Địa lí 12, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015 và Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

Căn cứ vào biểu đồ, cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về tỉ trọng lao động có việc làm của các khu vực kinh tế ở nước ta năm 2014 so với năm 2005?

- A. Dịch vụ và Nông - lâm - ngư nghiệp đều tăng.
- B. Công nghiệp - xây dựng tăng, Nông - lâm - ngư nghiệp giảm.
- C. Nông - lâm - ngư nghiệp giảm, Dịch vụ tăng.
- D. Dịch vụ tăng, Công nghiệp - xây dựng tăng.

Câu 75. Điều kiện tự nhiên nào sau đây thuận lợi nhất cho hoạt động khai thác hải sản ở nước ta?

- A. Có dòng biển chảy ven bờ.
- B. Có các ngư trường trọng điểm.
- C. Có nhiều đảo, quần đảo.
- D. Biển nhiệt đới ấm quanh năm.

Câu 76. Số dân thành thị nước ta tăng nhanh trong những năm gần đây chủ yếu là do nguyên nhân nào sau đây?

- A. Tác động của hội nhập kinh tế toàn cầu.
- B. Tác động của quá trình công nghiệp hóa.
- C. Ở đô thị có cơ sở hạ tầng ngày càng tốt.
- D. Ở đô thị dễ kiếm việc làm có thu nhập.

Câu 77. Cho bảng số liệu:

SỐ LƯỢNG BÒ VÀ SẢN LƯỢNG THỊT BÒ NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2014

Năm	2010	2012	2013	2014
Số lượng bò (nghìn con)	5 808,3	5 194,2	5 156,7	5 234,3
Sản lượng thịt bò (nghìn tấn)	278,9	293,9	285,4	293,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

Để thể hiện số lượng bò và sản lượng thịt bò nước ta, giai đoạn 2010 - 2014 theo bảng số liệu, biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Kết hợp.
- B. Miền.
- C. Đường.
- D. Tròn.

Câu 78. Giá trị sản phẩm thủy sản của nước ta hiện nay vẫn còn chưa cao, chủ yếu là do

- A. đánh bắt gần bờ vẫn còn là chủ yếu.
- B. công nghiệp chế biến còn hạn chế.
- C. ảnh hưởng nhiều của thiên tai.
- D. nguồn lợi thủy sản bị suy giảm.

Câu 79. Biện pháp quan trọng nhất để tránh mất nước của các hồ chứa ở Đông Nam Bộ là

- A. bảo vệ vốn rừng trên thượng lưu của các sông.
- B. xây dựng và mở rộng các vườn quốc gia.
- C. bảo vệ nghiêm ngặt các khu dự trữ sinh quyển.
- D. phục hồi và phát triển nhanh rừng ngập mặn.

Câu 80. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với tài nguyên đất của Đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Đất bị xâm thực, xói mòn và bạc màu chiếm diện tích rộng.
- B. Đất phèn và đất mặn có diện tích lớn hơn đất phù sa ngọt.
- C. Đất phù sa ngọt phân bố thành dải dọc sông Tiền, sông Hậu.
- D. Một vài loại đất thiếu dinh dưỡng hoặc đất quá chặt, khó thoát nước.

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.

- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

